

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/ DS-PT
Ngày: 24-8-2022
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Công Phương

Bà Đỗ Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2022/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích L (có mặt)

Cư trú: Thôn Hưng Mỹ 1, xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Trường Nh – Luật sư hoạt động tại Công ty Luật TNHH MTV Sài Gòn – Quy Nhơn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; Địa chỉ: 96 Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Thế L (có mặt)

Cư trú: Thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị A (có mặt)

2. Chị Trần Thị Hoàng L (vắng)

3. Anh Trần Ngọc Th (vắng)

4. Ông Nguyễn Văn Ng (vắng)
Cùng cư trú: Thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, Bình Định.
5. Anh Trần Nguyên Ng1 (vắng)
Cư trú: Khu vực 5, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
6. Bà Trần Thị Bích Ng2 (vắng)
Cư trú: Số 40/67 đường Đô Lương, phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
7. Bà Trần Thị H (vắng)
Cư trú: Số 49 đường 21 khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Ông Trần Văn M (vắng)
Cư trú: Số 09 Biên Cương, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
9. Ông Trần Đình Th1 (vắng)
Cư trú: Số 1304 tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Bà Trần Thị T (vắng)
Cư trú: Số 13/3 đường Phạm Thế Hiển, phường Thới Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
11. Bà Trần Thị Nh (vắng)
Cư trú: Số 360/26/24B đường Bình Giã, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
12. Bà Trần Thị L (vắng)
Cư trú: Số 458/9/2 đường Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
13. Bà Trần Thị Kiều Mộng Th2 (vắng)
Cư trú: Số 03/27 đường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
14. Bà Trần Nguyễn Hạnh L (vắng)
Cư trú: Số 03 đường Nguyễn Xuân Ôn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
15. Ông Trần Đình V (vắng)
Cư trú: số 445/26/7 đường Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Bà Trần Thanh Th3 (vắng)
Cư trú: 268 Bình Giã, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
17. Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Tuy Phước (vắng)
Địa chỉ: Thôn Cảnh An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ – Chủ tịch UBND xã Phước Thành.
18. Ủy ban nhân dân huyện TP(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: 290 đường Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh

Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh N – Chủ tịch UBND huyện TP

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Bích L – Nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày:

Cha bà là ông Trần Quý Thích, mẹ bà là Võ Thị Đ. Cha mẹ bà có 02 người con chung gồm ông Trần Thế L và bà. Cha bà có 01 người vợ trước là Nguyễn Thị M, cha bà và bà M có 11 người con chung gồm: Bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị H, ông Trần Văn M, ông Trần Đình Th, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Nh, bà Trần Thị L, bà Trần Thanh Th, bà Trần Thị Kiều Mộng Th, bà Trần Nguyễn Hạnh L, ông Trần Đình V. Cha bà thỉnh thoảng về ở với mẹ bà một vài hôm rồi đi chứ không có sống chung với mẹ, vì mục đích của mẹ lúc đó là kiếm con nuôi.

Trong quá trình sinh sống mẹ bà đã tạo lập được một khu vườn, nay có số thửa là 474, tờ bản đồ số 16, diện tích 612m² tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, vì cha không có sống chung với mẹ nên toàn bộ khu vườn này của riêng mẹ và mẹ bà đã đứng tên kê khai sử dụng khu vườn này từ trước đến nay.

Cha bà chết năm 1996, mẹ chết năm 2003 đều không để lại di chúc. Anh trai ruột của bà là ông Trần Thế Lở chung với mẹ từ nhỏ đến lớn tại khu vườn này, sau khi mẹ chết thì ông L và vợ là Trần Thị A tiếp tục ở trên khu vườn của mẹ.

Năm 1993 thời điểm “Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình” theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993 nhà nước cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ gia đình ông Lâm như thế nào bà không biết vì lúc này mẹ còn sống và bà đi lấy chồng nên không được cấp ruộng cân đối giao QSDĐ.

Vào ngày 26/8/2011 UBND huyện Tuy Phước đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông L bà A đối với toàn bộ khu vườn của mẹ bà chết để lại mà không được sự đồng ý của bà.

Năm 2018 bà biết việc UBND huyện Tuy Phước cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông L bà A vào ngày 26/8/2011 có số thửa 474, tờ bản đồ 16, diện tích 612 m² tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Năm 2019, ông L bà A đập phá nhà cũ của mẹ thì bà khiếu nại tại UBND xã Phước Thành và khởi kiện tại tòa án.

Nay bà yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật của mẹ bà chết bằng hiện vật đối với thửa đất số 474, tờ bản đồ số 16, diện tích 612m², tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định của pháp luật. Đáng lẽ phần bà được nhận là 306m²/612m² nhưng do ông L bà A nuôi mẹ nên bà chỉ yêu cầu nhận 204m²/612m².

Tuy nhiên, vợ chồng ông L bà A đã chuyển nhượng thửa đất số 474, tờ bản đồ 16, diện tích 612 m² tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cho ông Ng và tặng cho các con nên bà yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Tuy Phước đã cấp cho vợ chồng ông L bà A và hủy

tất cả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông L, bà A đã tách thửa chuyển nhượng cho ông Ng và cho các con là chị L, anh Ng và anh Th.

Bị đơn ông Trần Thế L trình bày:

Ông L thống nhất như trình bày của bà L về mối quan hệ gia đình, di sản mẹ ông để lại, việc cha mẹ ông chết không để lại di chúc.

Nay bà L yêu cầu chia thừa kế $204\text{m}^2/612\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 474, tờ bản đồ số 16, diện tích 612m^2 , tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đồng thời bà L yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Tuy Phước đã cấp cho vợ chồng ông và hủy tất cả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông L, bà A đã tách thửa bán cho ông Ng và cho các con là chị L, anh Ng và anh Th thì vợ chồng ông không đồng ý, vì:

+Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 16 có nguồn gốc từ mẹ Võ Thị Đ tạo lập từ trước năm 1958.

+ Từ năm 1975, mẹ ông đăng ký kê khai QSDĐ tại UBND xã Phước Thành nhưng ông ở chung với mẹ trên thửa đất này, đến năm 1982 ông lấy vợ thì vợ chồng ông cùng sống chung với mẹ trên thửa đất này, trong khi đó bà Trần Thị Bích L, đã cắt hộ khẩu vào năm 1982 và theo chồng ở xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

+ Đến năm 1993 lúc này cha mẹ đều còn sống, thời điểm này nhà nước “Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình” theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993 thì nhà nước lập danh sách cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ gia đình ông có 6 người: Mẹ Võ Thị Đ, ông, vợ ông là Trần Thị A, con Trần Thị Hoàng L, con Trần Nguyên Ng, con Trần Ngọc Th.

Năm 1997, nhà nước đã cấp ruộng cho hộ gia đình ông với diện tích của 06 thửa là 3660m^2 và thửa đất số 474, tờ bản đồ 16 có diện tích 590m^2 (đất ở là: 300m^2 , đất vườn là 290m^2), đất vườn thừa đã trừ vào đất nông nghiệp của 6 thửa đất nông nghiệp nói trên.

Từ năm 1993 ông đứng tên kê khai cho đến năm 2003 lúc mẹ Võ Thị Đ còn sống và đến lúc mẹ chết thì mẹ không có khiếu nại gì về việc ông đăng ký kê khai QSDĐ, cho nên ông đã được cấp GCNQSDĐ.

Lần 1: Cấp GCNQSDĐ: Năm 2004, nhà nước chính thức giao quyền đất ở cho hộ với diện tích đất ở là 300m^2 , đất vườn là 290m^2 , do ông Nguyễn Đức Th - PCT UBND huyện Tuy Phước ký vào năm 2004.

Lần 2: Vào ngày 26/8/2011 UBND huyện Tuy Phước đã cấp đổi GCNQSDĐ toàn bộ khu vườn của mẹ chết để lại cho ông L và bà A do ông Trần Hữu Lộc - PCT UBND huyện Tuy Phước đã ký tờ BĐ số 16, số thửa là 474. Sau khi UBND huyện Tuy Phước cấp GCNQSDĐ lần 2 thì đến năm 2019 vợ chồng ông đã làm thủ tục chuyển nhượng theo trình tự pháp luật và đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn Ng và cho các con ông là Trần Nguyên Ng, Trần Ngọc Th, Trần Thị Hoàng L, còn lại 1 thửa cho vợ chồng ông dưỡng già.

Về tài sản trên đất: Ông công nhận trước đó, mẹ có xây dựng một căn nhà cấp 4 ba gian vào năm 1968 nhưng nhà càng ngày càng xuống cấp cho nên ông đã nhiều lần tu sửa để thờ ba mẹ; Đến năm 2019 ông đập phá nhà cũ và bán cho ông Nguyễn Văn Ng khoảng 100m^2 để lấy tiền xây lại toàn bộ nhà để thờ cúng như hiện nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị A trình bày: Bà là vợ của ông Trần Thế L, bà thống nhất với nội dung ông L đã trình bày và không bổ sung gì thêm.

2. Anh Trần Nguyên Ng, anh Trần Ngọc Th, chị Trần Thị Hoàng L thống nhất trình bày: Anh, chị là con của ông L bà A thống nhất với nội dung ông L đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

3. Ông Nguyễn Văn Ng, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị H, ông Trần Văn M, ông Trần Đình Th, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Nh, bà Trần Thị L, bà Trần Thanh Th, bà Trần Thị Kiều Mộng Th, bà Trần Nguyễn Hạnh L, ông Trần Đình V: Đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không yêu cầu gì.

4. Người đại diện hợp pháp của UBND xã Phước Thành có văn bản trình bày tại Công văn số 240/UBND-ĐC, ngày 15 tháng 6 năm 2021:

- Quá trình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất qua từng thời kỳ đối với thửa đất số 474, tờ bản đồ số 16, diện tích 612 m² tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định:

+ Thời điểm từ năm 1975 đến năm 1993, trong sổ bộ theo dõi người đứng tên là bà Võ Thị Đ.

+ Thời điểm xác lập lại hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất trên mang số thửa: 113, tờ bản đồ số: 7, diện tích 540 m² (đất ở 300 m², đất vườn thừa 240 m²) ông Trần Thế L kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

+ Vào năm 2000, xã Phước Thành được đo đạc mới, xác lập lại hồ sơ địa chính ông Trần Thế L kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

+ Năm 2009, thực hiện Dự án Vlap, xác lập lại hồ sơ địa chính năm 2013. thửa đất trên do ông Trần Thế L đăng ký sử dụng. Đến tháng 8/2011 được UBND huyện Tuy Phước cấp GCNQSD đất cho ông Trần Thế L và bà Trần Thị A số phát hành: BD 348706, số vào sổ cấp GCN: CH 04403, ngày cấp 26/8/2011; thửa đất số 474, tờ bản đồ số 16; diện tích 612 m² (đất ONT: 300 m², đất HNK: 312 m²).

Theo hồ sơ địa chính năm 1993 diện tích thửa đất của ông Trần Thế L so sánh với bản đồ địa chính hiện nay và giấy CNQSD đất cấp cho ông Trần Thế L tăng 72 m² là do sai số giữa 2 lần đo.

- Khi cân đối giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ, sau khi trừ diện tích đất ở 300 m², còn lại 240 m² đất vườn thừa được đưa vào cân đối giao quyền cho hộ, tại thời điểm xác lập bộ cân đối giao quyền, ông Trần Thế L là đại diện hộ, tổng cộng có 6 khẩu gồm: ông Trần Thế L là chủ hộ, bà Trần Thị A (vợ), bà Võ Thị Đ (mẹ), bà Trần Thị Hoàng L (con), ông Trần Nguyên Ng (con) và ông Trần Ngọc Th (con).

(Kèm theo Bộ thảo Đề án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân).

5. Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước trình bày: Về quy trình cấp GCNQSDĐ: UBND huyện Tuy Phước cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Thế L và bà Trần Thị A đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật vì: Năm 2009, UBND huyện triển khai dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai (gọi tắt là dự án Vlap) để đo đạc, xác lập hồ sơ địa chính và

lồng ghép cấp GCNQSDĐ, được hội đồng tư vấn của xã Phước Thành họp xét đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và thông báo công khai kết quả xét duyệt tại Thông báo số 58a/TB-UBND ngày 24/10/2010, lập biên bản kết thúc công khai ngày 9/12/2010. Trên cơ sở đó UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Thế L và bà Trần Thị A ngày 26/8/2011 tại thửa đất số 474, tờ bản đồ 16, diện tích 612 m²(trong đó 300 m² đất ở và 312 m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), số phát hành: BD 348706, số vào sổ cấp GCN: CH 04403.

Từ những cơ sở trên việc UBND huyện Tuy Phước cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Thế L và bà Trần Thị A tại thửa đất nêu trên là đúng theo Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 và khoản 1, Điều 140 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 19/10/2004 của chính phủ. Do đó UBND huyện Tuy Phước không hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trần Thế L và bà Trần Thị A như theo đơn yêu cầu của bà Trần Thị Bích L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích L đối với di sản mẹ Võ Thị Đ để lại thửa đất số 474, tờ bản đồ 16, diện tích 612m²(trong đó 300m² đất ở và 312m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

2. Bác yêu cầu của bà Trần Thị Bích L về việc hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Tuy Phước đã cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Thế L và bà Trần Thị A số phát hành: BD 348706, số vào sổ cấp GCN: CH 04403 ngày 26/8/2011 đối với thửa đất số 474, tờ bản đồ 16, diện tích 612m² (trong đó 300m² đất ở và 312 m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định) và các GCNQSDĐ được tách ra từ GCNQSDĐ của ông Trần Thế L và bà Trần Thị A cho anh Trần Nguyên Ng, anh Trần Ngọc Th, chị Trần Thị Hoàng L, ông Nguyễn Văn Ng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/01/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Bích L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu tòa chia thừa kế thửa đất 474 là di sản thừa kế của bà Võ Thị Đ chết để lại theo quy định pháp luật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04403 ngày 26/8/2011 do UBND huyện Tuy Phước cấp cho ông Trần Thế L, bà Trần Thị A.

Ngày 07/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 07/01/2022 kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm đề nghị TAND tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng về thẩm quyền xét xử và về nội dung đánh giá chứng cứ chưa toàn diện khách quan nên tòa sơ thẩm bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Bích L.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà

Trần Thị Bích L trình bày: Thừa đất số 474 là di sản của bà Võ Thị Đ để lại không lập di chúc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Bích L chia thừa kế thừa đất 474 cho ông L và bà L theo quy định pháp luật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04403 ngày 26/8/2011 do UBND huyện Tuy Phước cấp cho ông Trần Thế L, bà Trần Thị A.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước hủy bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, giữ lại hồ sơ vụ án để TAND tỉnh Bình Định xét xử theo thủ tục sơ thẩm, đúng thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hoàng L, anh Trần Ngọc Th, ông Nguyễn Văn Ng, anh Trần Nguyên Ng, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị H, ông Trần Văn M, ông Trần Đình Th, bà Trần Thị T, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị L, chị Trần Thị Kiều Mộng Th, chị Trần Nguyễn Hạnh L, anh Trần Đình V, chị Trần Thanh Th, UBND xã Phước Thành đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, riêng UBND huyện Tuy Phước có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Bích L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Thừa đất số 474, tờ bản đồ số 16, diện tích 612m² (trong đó 300m² đất ở và 312m² đất trồng cây hàng năm), thời điểm từ năm 1975 đến năm 1993 trong sổ theo dõi của xã Phước Thành thì người đứng tên thừa đất là bà Võ Thị Đ là mẹ của bà Trần Thị Bích L và ông Trần Thế L.

[2.2] Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ông Trần Thế L kê khai đăng ký quyền sử dụng thừa đất này và thừa đất chính lý thành thừa số 113, tờ bản đồ số 7, diện tích 540m² (trong đó 300m² đất ở và 240m² đất trồng cây hàng năm). Theo công văn số 240/UBND-ĐC ngày 15/6/2021 của UBND xã Phước Thành cung cấp thời điểm năm 1993 khi cân đối giao quyền đất nông nghiệp cho hộ gia đình theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì hộ ông Trần Lâm đại diện chỉ cân đối giao quyền 240m² đất trồng cây hàng năm còn 300m² đất ở không cân đối giao quyền. Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất hộ bà Đ do ông Lâm làm chủ hộ, tổng cộng có 06 nhân khẩu: Ông Trần Thế L (chủ hộ), bà Trần Thị A (vợ), bà Võ Thị Đ (mẹ), chị Trần Thị Hoàng L (con), anh Trần Nguyên Ng (con) và anh Trần Ngọc Th (Con).

[2.3] Đến năm 2009 thực hiện dự án Vlap, xác lập lại hồ sơ địa chính đến tháng 8/2011 UBND huyện Tuy Phước cấp mới giấy chứng nhận cho cá nhân ông Trần Thế L và bà Trần Thị A theo giấy chứng nhận số CH 04403 ngày 26/8/2011

được chỉnh lý thành thửa đất số 474, tờ bản đồ số 16, diện tích 612m² (trong đó 300m² đất ở và 312m² đất trồng cây hàng năm).

Từ những nhận định tại các mục [2.1] [2.2] và [2.3] cho thấy theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 chỉ cân đối giao quyền 240m² đất trồng cây hàng năm cho hộ ông Trần Thế L, còn 300m² đất ở không cân đối giao quyền vẫn thuộc quyền sử dụng cá nhân của bà Đ, đồng thời bà Đ còn là thành viên được cân đối giao quyền sử dụng đất. Nhưng đến năm 2009 thực hiện dự án Vlap đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì toàn bộ thửa đất 612m² (trong đó 300m² đất ở và 312m² đất trồng cây hàng năm) được UBND huyện Tuy Phước chuyển giao cho cá nhân vợ chồng ông L, bà A với lý do vợ chồng ông L, bà A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo BL 179). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ việc thay đổi từ cấp đất cho hộ gia đình sang cấp cho cá nhân mà đã bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà L là chưa có cơ sở vững chắc.

[2.4] Mặt khác, khi cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tài sản tranh chấp ngày 03/8/2022 thì phía Nam thửa đất 474 giáp với thửa đất số 503 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Cao Văn H, có tấm đan nhà anh H (kích thước chiều rộng khoảng 0,6 mét và chiều dài khoảng 09 mét) lấn sang không gian thửa đất số 474. Anh H cho rằng trước năm 1971 cha mẹ anh H là ông Cao A và bà Lê Thị D có mua đất của bà Lê Thị Đ chiều rộng 1,5m tính từ tường nhà anh H ra, tấm đan xây dựng cùng năm 1971 nên đất dưới tấm đan từ trước ra sau thửa đất có kích thước (0,6m x 17m) là thuộc quyền sử dụng của gia đình anh H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L thừa nhận tấm đan nhà anh H có từ trước năm 1975 đến nay nằm trên thửa đất 474, ông thống nhất một phần lời trình bày của anh H phần đất dưới tấm đan kích thước (0,6 m x 09 m) là của gia đình ông H, không thống nhất phần đất từ trước ra sau kích thước (0,6m x 17m) như anh H trình bày. Đây là tình tiết mới phát sinh chưa được tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, đồng thời tình tiết mới phát sinh phải được giải quyết trong cùng một vụ án này thì mới đảm bảo việc giải quyết vụ án toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tất cả các đương sự.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ, chứng minh và do có phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm. Vì vậy để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và để đảm bảo hai cấp xét xử thì cần phải hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 04403 ngày 26/8/2011 do UBND huyện Tuy Phước cấp cho ông Trần Thế L, bà Trần Thị A có thuộc trường hợp trái pháp luật xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và cần phải hủy hay không, nếu cần phải hủy giấy chứng nhận dẫn đến thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án thì phải chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết và xem xét hủy giấy chứng nhận theo hướng dẫn tại Phần II Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải đáp một số vấn đề về Tổ tụng Hành chính, Tổ tụng Dân sự.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Trần Thị Bích L, nhưng lại buộc bà L chịu án phí sơ thẩm 20.400.000 đồng trên số tiền bà Liễu yêu cầu chia thừa kế là không đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Trần Thị Bích L không phải chịu. Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0006010 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy Phước.

[4] Chi phí tố tụng:

- Chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm 17.000.000đồng bà L phải chịu, bà L đã nộp xong.

[5] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích L tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Bích L sửa bản án dân sự sơ thẩm là không phù hợp với nhận định hủy bản án dân sự sơ thẩm của HĐXX.

[6] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị Bích L không phải chịu. Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0006010 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy Phước.

3. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm 17.000.000đồng bà L phải chịu, bà L đã nộp xong.

4. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- CCTHADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng